

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2 - 3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

4 - 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

6 - 7

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

8

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

9

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (Nay là Sở Tài chính TP. Đồng Nai) cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: THANH THANH JOINT-STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TTC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2020 là 59.923.480.000 VND. (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã TTC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, TP. Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đào Quang Sơn	Trưởng ban
Ông Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hưng Du	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

*Số: 185/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 10/8/2026 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng về Thông báo số 408/TB-UBND ngày 11/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa (Nay là TP. Đồng Nai) về việc thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hoà 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường; các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc thanh lý tài sản cố định và kho phụ tùng; Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/8/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 về việc thông qua phương án tái cấu trúc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh; Công ty đã ngừng sản xuất từ ngày 01/7/2025 để thực hiện kế hoạch di dời; tình hình hoạt động, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đưa ra và nghiên cứu thực hiện một số định hướng hoạt động của Công ty trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các biện pháp hợp tác với đối tác để duy trì thương hiệu, đồng thời thu hồi và cân đối dòng tiền cũng như thực hiện tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Bùi Thị Thuý

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

				30/6/2026	01/01/2026
TÀI SẢN				VND	(Trình bày lại) VND
MS	TM				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)		100		141.095.517.871	133.674.830.472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1		4.499.444.388	18.114.494.542
1. Tiền	111			4.499.444.388	3.063.247.966
2. Các khoản tương đương tiền	112			-	15.051.246.576
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2		120.419.639.315	84.406.826.575
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a		11.427.575.701	11.427.575.701
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2a		(7.824.185.701)	(7.652.595.701)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2b		116.816.249.315	80.631.846.575
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			16.140.859.641	21.640.821.910
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4		16.313.695.519	21.794.563.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5		166.989.012	167.778.647
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.6		66.428.000	84.732.503
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.3		(406.252.890)	(406.252.890)
IV. Hàng tồn kho	140			-	9.501.916.668
1. Hàng tồn kho	141			-	35.220.624.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142			-	(25.718.707.551)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150			-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160			35.574.527	10.770.777
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.11		35.574.527	10.770.777
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)		200		2.073.033.117	4.139.967.389
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			85.700.000	85.700.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.6		85.700.000	85.700.000
II. Tài sản cố định	220			1.987.333.117	4.054.267.389
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7		1.987.333.117	4.054.267.389
- Nguyên giá	222			4.593.702.580	38.521.923.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(2.606.369.463)	(34.467.655.874)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8		-	-
- Nguyên giá	228			100.896.000	100.896.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(100.896.000)	(100.896.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240			-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250			-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2c		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	5.2c		1.920.000.000	1.920.000.000
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	5.2c		(1.920.000.000)	(1.920.000.000)
VII. Tài sản dài hạn khác	270			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280			143.168.550.988	137.814.797.861

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	01/01/2026	30/6/2026
			(Trình bày lại) VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+ 330)	300		18.416.221.941	21.582.830.759
I. Nợ ngắn hạn	310		17.671.221.941	20.477.830.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	677.611.669	1.154.869.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	1.114.230.898	1.107.721.986
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		145.509.410	8.737.435
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.11	2.859.599.236	2.014.448.130
5. Phải trả người lao động	315		1.288.804.280	1.989.334.330
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		271.100.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.12	7.250.995.123	9.534.986.176
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.063.371.325	4.667.733.557
II. Nợ dài hạn	330		745.000.000	1.105.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	5.12	745.000.000	1.105.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.13	124.752.329.047	116.231.967.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		14.054.939.829	14.054.939.829
4. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.597.000.305	21.597.000.305
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.515.264.213	20.994.902.268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		14.500.000.000	18.220.745.506
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		15.015.264.213	2.774.156.762
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		143.168.550.988	137.814.797.861

Người lập

Võ Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Võ Thị Thu Thủy

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Hưng Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	19.370.786.977	66.158.551.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.301.072	426.497.625
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	19.364.485.905	65.732.054.212
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	9.444.721.503	55.016.564.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.919.764.402	10.715.490.149
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.5	3.335.059.494	264.461.386
8. Chi phí tài chính	23	6.6	185.609.267	271.264.371
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	459.646
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	919.806.971	1.845.570.669
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	3.293.954.126	8.818.161.096
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)}	30		8.855.453.532	44.955.399
12. Thu nhập khác	31	6.8	9.921.095.745	4.507.250
13. Chi phí khác	32	6.9	5.975.209	25.013.668
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.915.120.536	(20.506.418)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		18.770.574.068	24.448.981
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	3.755.309.855	7.611.400
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.015.264.213	16.837.581
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	2.528	3

Người lập

Võ Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Võ Thị Thu Thủy

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Hưng Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.770.574.068	24.448.981
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		287.095.674	1.847.074.194
- Các khoản dự phòng	03		(25.547.117.551)	2.261.247.479
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(5.963.209)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(13.256.155.239)	(258.498.177)
- Chi phí đi vay	06		-	459.646
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(19.745.603.048)	3.868.768.914
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.423.911.943	(215.089.016)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.220.624.219	6.298.748.754
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.654.030.126)	(2.980.519.048)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		-	(599.651.945)
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	(459.646)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.781.376.865)	(245.979.217)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.158.736.500)	(3.619.161.136)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.304.789.623	2.506.657.660
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.700.934.343	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.201.903.330	216.210.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.097.162.327)	216.210.505
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	745.649.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(745.649.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.822.677.450)	(2.376.211.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.822.677.450)	(2.376.211.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(13.615.050.154)	346.656.965
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	18.114.494.542	22.627.469.397
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	12.710.311
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.499.444.388	22.986.836.673

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Thu Thủy

Võ Thị Thu Thủy

Trần Hưng Lương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (Nay là Sở tài chính TP. Đồng Nai) cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: THANH THANH JOINT-STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TTC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2020 là 59.923.480.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã TTC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, TP. Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 20 người (tại ngày 31/12/2025 là 31 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh gạch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có một Công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Thửa đất số 200, tờ bản đồ số DC 8 - 3, Đường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất bao bì	24%	24%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng về Thông báo số 408/TB-UBND ngày 11/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa (Nay là TP. Đồng Nai) về việc thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hoà 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường; các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc thanh lý tài sản cố định và kho phụ tùng; Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/8/2025 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2025 về việc thông qua phương án tái cấu trúc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh; Công ty đã ngừng sản xuất từ ngày 01/7/2025 để thực hiện kế hoạch di dời; tình hình hoạt động, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp, cụ thể:

- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với các nội dung nêu trên để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục sản xuất kinh doanh trong tương lai. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:
- + Ngày 06/6/2025, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 54/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị về việc ngừng sản xuất kể từ ngày 01/7/2025 để chuẩn bị di dời theo kế hoạch của tỉnh Đồng Nai thực hiện Dự án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hoà 1.
- + Phối hợp với Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á nhằm tiếp tục sản xuất để duy trì thương hiệu “Gạch men Thanh Thanh” trên thị trường và hỗ trợ tiêu thụ những sản phẩm của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh đang tồn kho thông qua ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng thương hiệu ngày 01/7/2025.
- + Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết số 65/NQ-HĐQT ngày 07/8/2025; Nghị quyết số 67/NQ-HĐQT ngày 13/8/2025; Nghị quyết số 68/NQ-HĐQT ngày 28/8/2025; Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 06/10/2025; Nghị quyết số 71/NQ-HĐQT ngày 20/10/2025; Nghị quyết số 71/NQ-HĐQT ngày 20/10/2025; Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT ngày 26/12/2025 về việc thanh lý tài sản cố định và kho phụ tùng.
- Ngày 28/8/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án tái cấu trúc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh.
- Trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã/đang nghiên cứu phương án hoạt động Công ty sau khi di dời:
 - + Đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ở địa điểm mới.
 - + Mua bán doanh nghiệp khác (M&A).
 - + Tìm phương án để sản xuất kinh doanh mới.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang xem xét đến các phương án nêu trên.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh hoặc được phân loại là chứng khoán kinh doanh theo quy định hiện hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc sau đó được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày riêng biệt trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh: dự phòng giảm giá được xác định căn cứ vào chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý của chứng khoán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có khả năng không thu hồi được theo các điều khoản đã thỏa thuận.

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết; đầu tư vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

07 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại chính mình.

Vốn khác là khoản Công ty chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang để dùng mua sắm tài sản cố định.

Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm gạch men.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gạch men và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Tiền mặt	182.400.150	267.920.347
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	4.317.044.238	2.795.327.619
Tương đương tiền (ii)	-	15.051.246.576
Cộng	4.499.444.388	18.114.494.542

(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển VN - Chi nhánh Đồng Nai	1.839.845.850	1.867.300.079
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.959.571.374	11.801.015
Các ngân hàng TMCP khác	517.627.014	916.226.525
Cộng	4.317.044.238	2.795.327.619

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai - Tiền gốc	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai - Tiền lãi	-	51.246.576
Cộng	-	15.051.246.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
Cổ phiếu	11.427.575.701	3.603.390.000	(7.824.185.701)	(7.652.595.701)
Công ty Cổ phần Vitaly - Mã chứng khoán: VTA	11.427.575.701	3.603.390.000	(7.824.185.701)	(7.652.595.701)
Cộng	11.427.575.701	3.603.390.000	(7.824.185.701)	(7.652.595.701)

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vitaly đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là VTA trên sàn UpCOM. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/6/2026 (2.100 VND/ cổ phiếu) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố nhân với số lượng cổ phiếu (1.715.900 cổ phiếu) tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang nắm giữ.

Công ty có chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Vitaly theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐQT ngày 09/5/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty. Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Vitaly

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	116.816.249.315	116.816.249.315	80.631.846.575	-
Tiền gửi có kỳ hạn	116.816.249.315	116.816.249.315	80.631.846.575	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	75.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	20.000.000.000	20.000.000.000	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.816.249.315	1.816.249.315	631.846.575	-
Cộng	116.816.249.315	116.816.249.315	80.631.846.575	-

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 6,8%/ năm đến 8,9%/ năm tại các ngân hàng TMCP.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
		Vốn nắm giữ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			1.920.000.000	-	(1.920.000.000)	1.920.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	24,00%	24,00%	1.920.000.000	-	(1.920.000.000)	1.920.000.000	-
Cộng			1.920.000.000	-	(1.920.000.000)	1.920.000.000	-

5.3 Nợ xấu

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		180.404.240	(180.404.240)	-		180.404.240	(180.404.240)	-
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	180.404.240	(180.404.240)	-	> 3 năm	180.404.240	(180.404.240)	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		145.848.650	(145.848.650)	-		145.848.650	(145.848.650)	-
Công ty TNHH MTV SX TM An Bình Phát	> 3 năm	145.848.650	(145.848.650)	-	> 3 năm	145.848.650	(145.848.650)	-
3. Phải thu ngắn hạn khác		80.000.000	(80.000.000)	-		80.000.000	(80.000.000)	-
Công ty TNHH PT Ngọc Linh	> 3 năm	80.000.000	(80.000.000)	-	> 3 năm	80.000.000	(80.000.000)	-
Cộng		406.252.890	(406.252.890)	-		406.252.890	(406.252.890)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tổng Công ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1 - CTCP	8.935.722.024	-	12.567.645.503	-
Công ty TNHH TM - DV & Đầu tư Hòa Phát Đạt	3.349.584.276	-	3.311.960.297	-
Đối tượng khác	4.028.389.219	(180.404.240)	5.914.957.850	(180.404.240)
Cộng	16.313.695.519	(180.404.240)	21.794.563.650	(180.404.240)
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>10.117.222.024</i>	<i>-</i>	<i>13.749.145.503</i>	<i>-</i>

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại An Bình Phát	145.848.650	(145.848.650)	145.848.650	(145.848.650)
Đối tượng khác	21.140.362	-	21.929.997	-
Cộng	166.989.012	(145.848.650)	167.778.647	(145.848.650)

5.6 Phải thu khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	66.428.000	-	84.732.503	-
Tạm ứng	16.428.000	-	26.428.000	-
Phải thu khác	50.000.000	-	58.304.503	-
b) Dài hạn	85.700.000	(80.000.000)	85.700.000	(80.000.000)
Ký cược, ký quỹ	85.700.000	(80.000.000)	85.700.000	(80.000.000)
Cộng	152.128.000	(80.000.000)	170.432.503	(80.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2026	25.328.736.587	9.426.379.237	3.660.551.239	106.256.200	38.521.923.263
Tăng do mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(25.328.736.587)	(8.493.227.896)	-	(106.256.200)	(33.928.220.683)
Phân loại lại	-	(933.151.341)	933.151.341	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	-	-	4.593.702.580	-	4.593.702.580
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	24.067.732.030	8.795.080.656	1.498.586.988	106.256.200	34.467.655.874
Khấu hao trong kỳ	39.406.389	73.058.151	174.631.134	-	287.095.674
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(24.107.138.419)	(7.971.190.666)	-	(70.053.000)	(32.148.382.085)
Phân loại lại	-	(896.948.141)	933.151.341	(36.203.200)	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	-	-	2.606.369.463	-	2.606.369.463
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.261.004.557	631.298.581	2.161.964.251	-	4.054.267.389
Số dư tại ngày 30/6/2026	-	-	1.987.333.117	-	1.987.333.117

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

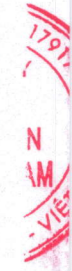
5.7 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Danh mục các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu tại ngày 30/6/2026 và ngày 01/01/2026:

Stt Loại và tên tài sản	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1 Nhà cửa, vật kiến trúc						
Nhà sản xuất chính - phân xưởng lát nền 6415 + 65m2	-	-	-	25.328.736.587	24.067.732.030	1.261.004.557
Nhà sản xuất chính, làm việc phân xưởng Granite 6646 m2	-	-	-	5.543.352.480	5.543.352.480	-
Các tài sản khác	-	-	-	5.376.266.253	4.115.261.696	1.261.004.557
2 Máy móc, thiết bị						
Các tài sản khác	-	-	-	14.409.117.854	14.409.117.854	-
3 Phương tiện vận tải, truyền dẫn						
Các tài sản khác	4.593.702.580	2.606.369.463	1.987.333.117	8.529.431.096	7.898.132.515	631.298.581
4 Thiết bị dụng cụ quản lý						
Các tài sản khác	4.593.702.580	2.606.369.463	1.987.333.117	8.529.431.096	7.898.132.515	631.298.581
				4.593.702.580	2.431.738.329	2.161.964.251
	-	-	-	70.053.000	70.053.000	-
	-	-	-	70.053.000	70.053.000	-
Cộng	4.593.702.580	2.606.369.463	1.987.333.117	38.521.923.263	34.467.655.874	4.054.267.389

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là: 1.101.079.853 VND (tại ngày 01/01/2026 là 23.376.355.772 VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định hữu hình thanh lý trong kỳ:

Stt Loại và tên tài sản	Giá trị tại thời điểm nhượng bán, thanh lý (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1 Nhà cửa, vật kiến trúc	25.328.736.587	24.107.138.419	1.221.598.168
Nhà sản xuất chính - phân xưởng lát nền 6415 + 65m2	5.543.352.480	5.543.352.480	-
Nhà sản xuất chính, làm việc phân xưởng Granite 6646 m2	5.376.266.253	4.154.668.085	1.221.598.168
Các tài sản khác	14.409.117.854	14.409.117.854	-
2 Máy móc, thiết bị	8.529.431.096	7.971.190.666	558.240.430
Các tài sản khác	8.529.431.096	7.971.190.666	558.240.430
3 Thiết bị dụng cụ quản lý	70.053.000	70.053.000	-
Các tài sản khác	70.053.000	70.053.000	-
Cộng	33.928.220.683	32.148.382.085	1.779.838.598

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	100.896.000	100.896.000
Số dư tại ngày 30/6/2026	100.896.000	100.896.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	100.896.000	100.896.000
Số dư tại ngày 30/6/2026	100.896.000	100.896.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	-	-

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 100.896.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 100.896.000 VND).

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp	588.353.749	588.353.749
Công ty TNHH Kinh doanh FRIT Thừa Thiên Huế	-	392.000.000
Tổng Công Ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1- Công ty Cổ phần	-	35.396.205
Đối tượng khác	89.257.920	139.119.191
Cộng	677.611.669	1.154.869.145

Trong đó: Phải trả người bán với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

- 35.396.205

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH MTV Thép Lê Minh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cửa hàng Vạn Phước -Tây Ninh	-	4.091.490
Mohamed Abdullah Al-Hubaishi Trading Corp.	65.498.990	65.548.691
Đối tượng khác	48.731.908	38.081.805
Cộng	1.114.230.898	1.107.721.986

5.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Phải nộp	2.014.448.130	6.639.843.161	5.794.692.055	2.859.599.236
Thuế giá trị gia tăng	1.190.904.271	2.681.253.024	3.810.034.908	62.122.387
Thuế thu nhập doanh nghiệp	823.543.859	3.755.309.855	1.781.376.865	2.797.476.849
Thuế thu nhập cá nhân	-	197.305.073	197.305.073	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.975.209	5.975.209	-
b) Phải thu	10.770.777	10.770.777	35.574.527	35.574.527
Thuế thu nhập cá nhân	10.770.777	10.770.777	35.574.527	35.574.527

5.12 Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Ngắn hạn	7.250.995.123	9.534.986.176
Kinh phí công đoàn	9.858.000	12.256.500
Bảo hiểm xã hội	36.911.250	-
Bảo hiểm y tế	6.765.750	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.895.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.194.565.123	9.522.729.676
<i>Khoản nhận đặt cọc về sản xuất độc quyền sản phẩm cho các khách hàng</i>	<i>6.415.791.411</i>	<i>8.629.459.096</i>
<i>Thù lao, tiền thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát</i>	<i>370.580.798</i>	<i>654.580.798</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>408.192.914</i>	<i>238.689.782</i>
Dài hạn	745.000.000	1.105.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	745.000.000	1.105.000.000
Cộng	7.995.995.123	10.639.986.176
Trong đó, Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	500.000.000	1.685.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Bền,
TP. Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2025	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	21.427.584.713	21.266.372.298	116.334.021.540
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.774.156.762	2.774.156.762
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	169.415.592	(169.415.592)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.376.211.200)	(2.376.211.200)
Số dư tại ngày 31/12/2025	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	21.597.000.305	20.994.902.268	116.231.967.102
Số dư tại ngày 01/01/2026	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	21.597.000.305	20.994.902.268	116.231.967.102
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	15.015.264.213	15.015.264.213
Trích lập quỹ phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(554.374.268)	(554.374.268)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(5.940.528.000)	(5.940.528.000)
Số dư tại ngày 30/6/2026	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	21.597.000.305	29.515.264.213	124.752.329.047

(i) Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026 như sau:

- Trích Quỹ phúc lợi với số tiền là 554.374.268 VND.

- Chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ của Công ty với số tiền là 5.940.528.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	30.560.970.000	30.560.970.000
Ông Vương Gia Hưng	2.980.000.000	(*)
Vốn cổ đông khác	26.382.510.000	29.362.510.000
Cộng	59.923.480.000	59.923.480.000

(*) Tại ngày 01/01/2026 Ông Vương Gia Hưng chưa là cổ đông lớn nên không trình bày.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	59.923.480.000	59.923.480.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.940.528.000	2.376.211.200

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.348	5.992.348
Cổ phiếu phổ thông	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu được mua lại	51.820	51.820
Cổ phiếu phổ thông	51.820	51.820
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
Cổ phiếu phổ thông	5.940.528	5.940.528
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ đầu tư phát triển	21.597.000.305	21.597.000.305
Cộng	21.597.000.305	21.597.000.305

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026	01/01/2026
Tiền gửi Ngân hàng		
Tiền USD	19.413,79	19.426,99
Tiền VND	507.589.956	509.045.419
Tiền EUR	27,11	37,77
Tiền VND	958.459	1.151.834

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hoàng Đức	116.779.006	116.779.006
Xí nghiệp Xây dựng & Sản xuất Vật liệu Xây dựng	67.535.361	67.535.361
Cửa hàng 60B Trương Định	51.087.068	51.087.068
Công ty Xây dựng số 8	32.721.678	32.721.678
Cửa hàng Thiên Vũ	223.186.511	223.186.511
Công ty TNHH MTV Rocky Nguyễn Đoàn	863.656.038	863.656.038
DNTN Tuấn Hạnh	109.001.018	109.001.018
Cửa hàng Thịnh Phát	407.010.310	407.010.310
DNTN Chí Thành	128.343.724	128.343.724
Các đối tượng khác	486.352.394	486.352.394
Cộng	2.485.673.108	2.485.673.108

Nguyên nhân xóa sổ kế toán nợ khó đòi: Nợ phải thu tồn đọng lâu năm, không có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa và sản phẩm	19.370.786.977	65.998.354.005
Doanh thu khác	-	160.197.832
Cộng	19.370.786.977	66.158.551.837
Trong đó: Giao dịch bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	2.454.876.485	49.173.239.055

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Khoản chiết khấu thương mại	6.301.072	418.929.756
Khoản doanh thu hàng bán bị trả lại	-	7.567.869
Cộng	6.301.072	426.497.625
Trong đó: Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	6.301.072	376.396.897

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa và sản phẩm	19.364.485.905	65.571.856.380
Doanh thu khác	-	160.197.832
Cộng	19.364.485.905	65.732.054.212

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	35.163.429.054	54.487.911.826
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (25.718.707.551)	-	-
Xử lý kiểm kê	-	528.652.237
Cộng	9.444.721.503	55.016.564.063

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi	3.335.059.494	258.498.177
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.963.209
Cộng	3.335.059.494	264.461.386

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	-	459.646
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.019.267	9.557.246
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	171.590.000	261.247.479
Cộng	185.609.267	271.264.371

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	919.806.971	1.845.570.669
Chi phí nhân viên	730.926.511	1.344.255.125
Chi phí vật liệu, bao bì	105.085.239	166.792.834
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	6.205.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.250.000	189.448.656
Chi phí bằng tiền khác	71.340.221	145.074.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.293.954.126	8.818.161.096
Chi phí nhân viên quản lý	1.943.012.039	4.465.043.240
Chi phí vật liệu quản lý	7.860.000	579.012.732
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.110.939	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	287.095.674	1.390.749.461
Thuế phí và lệ phí	16.220.105	40.489.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.663.616	163.551.547
Chi phí bằng tiền khác	1.002.991.753	2.179.314.165
Cộng	4.213.761.097	10.663.731.765

6.8 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.921.095.745	-
Thu nhập khác	-	4.507.250
Cộng	9.921.095.745	4.507.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	5.975.209	25.013.668
Cộng	5.975.209	25.013.668

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.261.178	42.142.758.285
Chi phí nhân công	2.673.938.550	13.389.687.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	287.095.674	1.847.074.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.913.616	6.020.439.801
Chi phí khác bằng tiền	1.074.331.974	2.850.438.463
Cộng	4.197.540.992	66.250.398.663

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.770.574.068	24.448.981
Các khoản điều chỉnh tăng	5.975.209	25.013.668
<i>Chi phí không được trừ</i>	5.975.209	25.013.668
Các khoản điều chỉnh giảm	-	11.405.649
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	11.405.649
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.776.549.277	38.057.000
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.755.309.855	7.611.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.015.264.213	16.837.581
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	15.015.264.213	16.837.581
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	5.940.528	5.940.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.528	3

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ cho quỹ phúc lợi. Nếu loại trừ số trích quỹ phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản phẩm FICO	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FiCO	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phước Hòa FICO	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch	80.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên	48.000.000	18.000.000
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên	48.000.000	18.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên	48.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	48.000.000	18.000.000
Cộng		272.000.000	102.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Ông Đào Quang Sơn	Trưởng ban	48.000.000	18.000.000
Ông Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên	32.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 15/7/2025)	-	12.000.000
Cộng		80.000.000	42.000.000

Tiền lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc	437.318.000	265.708.000
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm từ ngày 15/7/2025)	-	158.933.000
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm từ ngày 15/7/2025)	-	99.672.000
Ông Trần Hưng Du	Phó Tổng Giám đốc	232.153.000	141.846.000
Bà Võ Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	275.595.000	171.873.000
Ông Nguyễn Xuân Khiêm	Trưởng phòng Kế toán tổng hợp	182.995.000	120.465.000
Ông Đặng Đình Thống	Người phụ trách Quản trị Công ty, kiêm thư ký HĐQT	219.713.000	112.143.000
Cộng		1.347.774.000	1.070.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANHĐường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Biên,
TP. Đồng Nai

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Mua hàng			-	6.272.637.354
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Mua vật tư	-	3.757.414.599
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua vật tư	-	4.545.455
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua vật tư	-	2.510.677.300
Bán hàng			2.454.876.485	49.173.239.055
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Bán hàng hoá	2.454.876.485	49.173.239.055
Giảm trừ doanh thu			6.301.072	376.396.897
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Chiết khấu thương mại	6.301.072	376.396.897
Giao dịch khác			3.056.097.000	1.222.438.800
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức đã chia	3.056.097.000	1.222.438.800

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Phân loại	Tính chất giao dịch	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu của khách hàng			10.117.222.024	13.749.145.503
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Ngắn hạn	Phải thu tiền bán hàng	8.935.722.024	12.567.645.503
Công ty Cổ phần Gạch Đồng Nam Á	Ngắn hạn	Phải thu tiền bán hàng	1.181.500.000	1.181.500.000
Phải trả người bán			-	35.396.205
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Ngắn hạn	Phải trả tiền mua hàng	-	35.396.205
Phải trả khác			500.000.000	1.685.000.000
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Ngắn hạn	Phải trả tiền nhận đặt cọc	500.000.000	1.685.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin so sánh

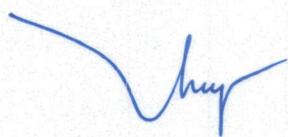
Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

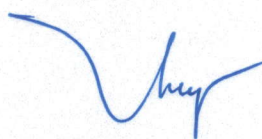
	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Các khoản tương đương tiền	15.051.246.576	15.000.000.000	51.246.576
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	80.631.846.575	80.000.000.000	631.846.575
Phải thu ngắn hạn khác	84.732.503	767.825.654	(683.093.151)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	8.737.435	-	8.737.435
Phải trả ngắn hạn khác	9.534.986.176	9.543.723.611	(8.737.435)

Người lập



Võ Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Võ Thị Thu Thủy

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Hưng Lương